

<p>107. Kinh Gaṇaka Moggallāna</p>	<p>107. To Gaṇaka Moggallāna (Gaṇakamoggallāna Sutta)</p>
<p>Khái quát Nội dung Kinh (Tác giả: TT. Thích Nhật Từ)</p>	<p>A Summary of the Sutta (Author: Bhikkhu Bodhi)</p>
<p>107. Kinh Gaṇaka Moggallāna (P. <i>Gaṇakamoggallāna-suttam</i>, H. 算數家目鍵連經) tương đương <i>Toán số Mục-kiền-liên kinh</i>.¹⁰⁵ Con đường tâm linh kết thúc khổ đau, chứng đắc Niết-bàn bắt đầu bằng sự huấn luyện đạo đức, sống chánh hạnh, giữ oai nghi, sợ hãi các lỗi nhỏ, làm chủ 6 giác quan, làm chủ việc ăn uống, chánh niệm và tỉnh thức trong mọi động tác, thực tập thiền định để tháo mở các trói buộc tâm gồm tham ái, sân hận, hôn trầm thùy miên, hối quá và hoài nghi. Ai thực hành theo sự chỉ đường của đức Phật sẽ đạt được giải thoát trong hiện đời.</p>	<p>107. Gaṇakamoggallāna Sutta: To Gaṇaka Moggallāna. The Buddha sets forth the gradual training of the Buddhist monk and describes himself as the “shower of the way.”</p>
<p>Việt Dịch từ Pāli: HT. Thích Minh Châu</p>	<p>English Translation from Pāli: Bhikkhu Ñāṇamoli & Bhikkhu Bodhi</p>
<p>Như vậy tôi nghe. Một thời Thế Tôn trú ở Sāvattthī, Pubbarama, nơi lâu đài của Migāramatu (Đông Viên Lộc Mẫu Giảng đường). Rồi Bà-la-môn Ganaka Moggallāna đi đến chỗ Thế Tôn, sau khi đến nói lên những lời chào đón hỏi thăm, sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, liền ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Bà-la-môn Gaṇaka Moggallāna bạch Thế Tôn:</p> <p>-- Ví như, thưa Tôn giả Gotama, tại lâu đài Migāramatu này, có thể thấy được một học tập tuần tự, một công trình tuần tự, một đạo lộ tuần tự, tức là những tầng cấp của lầu thượng cuối cùng; thưa Tôn giả Gotama, cũng vậy, đối với những vị Bà-la-</p>	<p>[1] 1. THUS HAVE I HEARD. On one occasion the Blessed One was living at Sāvattthī in the Eastern Park, in the Palace of Migāra’s Mother. Then the brahmin Gaṇaka Moggallāna went to the Blessed One and exchanged greetings with him. When this courteous and amiable talk was finished, he sat down at one side and said to the Blessed One:</p> <p>2. “Master Gotama, in this Palace of Migāra’s Mother there can be seen gradual training, gradual practice, and gradual progress, that is, down to the last step of the staircase.¹⁰²⁴ Among these brahmins too, there can be seen gradual</p>

môn này, được thấy một học tập tuần tự, một công trình tuần tự, một đạo lộ tuần tự, tức là sự học hỏi (các tập Veda).

Thưa Tôn giả Gotama, cũng vậy, đối với những vị bắn cung này, được thấy một học tập tuần tự, một công trình tuần tự, một đạo lộ tuần tự, tức là nghệ thuật bắn cung.

Cũng vậy, thưa Tôn giả Gotama, đối với chúng con là những người toán số, sống nhờ nghề toán số, cũng được thấy một học tập tuần tự, một công trình tuần tự, một đạo lộ tuần tự, tức là toán số.

Thưa Tôn giả Gotama, vì rằng khi có được người đệ tử, trước hết chúng con bắt người ấy đếm như sau: "Một, một lần, hai, hai lần, ba, ba lần, bốn, bốn lần, năm, năm lần, sáu, sáu lần, bảy, bảy lần, tám, tám lần, chín, chín lần, mười, mười lần". Và thưa Tôn giả Gotama, chúng con bắt đếm tới một trăm.

Có thể trình bày chẵn, thưa Tôn giả Gotama, trong Pháp và Luật này, cũng có một tuần tự học tập, một tuần tự công trình, một tuần tự đạo lộ như vậy?

-- Có thể trình bày, này Bà-la-môn, trong Pháp và Luật này, có một tuần tự học tập, có một tuần tự công trình, có một tuần tự đạo lộ.

Ví như, này Bà-la-môn, một người huấn luyện ngựa thiện xảo, sau khi được một con ngựa hiền thiện, trước tiên luyện tập cho nó quen mang dây cương, rồi tập luyện cho nó quen các hạnh khác;

cũng vậy, này Bà-la-môn, Như Lai khi được một người

training, gradual practice, and gradual progress, that is, in study.

Among archers too, there can be seen gradual training... that is, in archery.

And also among accountants¹⁰²⁵ like us, who earn our living by accountancy, there can be seen gradual training... that is, in computation.

For when we get an apprentice first we make him count: one one, two twos, three threes, four fours, five fives, six sixes, seven sevens, eight eights, nine nines, ten tens; and we make him count a hundred too.

Now is it also possible, Master Gotama, to describe gradual training, gradual practice, and gradual progress in this Dhamma and Discipline?" [2]

3. "It is possible, brahmin, to describe gradual training, gradual practice, and gradual progress in this Dhamma and Discipline.

Just as, brahmin, when a clever horse-trainer obtains a fine thoroughbred colt, he first makes him get used to wearing the bit, and afterwards trains him further,¹⁰²⁶

so when the Tathāgata obtains a person to be tamed he

đáng được điều phục, trước tiên huấn luyện người ấy như sau: "Hãy đến Tỷ-kheo, hãy giữ giới hạnh, hãy sống chế ngự với sự chế ngự của giới bổn, đầy đủ oai nghi chánh hạnh, thấy sự nguy hiểm trong những lỗi nhỏ nhặt, thọ trì và học tập các học giới".

Này Bà-la-môn, khi vị Tỷ-kheo giữ giới hạnh, chế ngự với sự chế ngự của giới bổn, đầy đủ oai nghi chánh hạnh, thấy sự nguy hiểm trong những lỗi nhỏ nhặt, thọ trì và học tập các học giới, Như Lai mới huấn luyện vị ấy thêm như sau:

"Hãy đến Tỷ-kheo, hãy hộ trì các căn, khi mắt thấy sắc chớ có nắm giữ tướng chung, chớ có nắm giữ tướng riêng.

Những nguyên nhân gì, vì nhãn căn không được chế ngự khiến tham ái, ưu bi, các ác bất thiện pháp khởi lên, vị Tỷ-kheo tự chế ngự nguyên nhân ấy, hộ trì con mắt, thực hành sự hộ trì con mắt.

Khi tai nghe tiếng.... mũi ngửi hương... lưỡi nếm vị.. thân cảm xúc...

ý nhận thức các pháp, vị ấy không nắm giữ tướng chung, không nắm giữ tướng riêng.

Những nguyên nhân gì, vì ý căn không được chế ngự, khiến tham ái, ưu bi, các pháp ác bất thiện khởi lên, Tỷ-kheo chế ngự nguyên nhân ấy, hộ trì ý căn, thực hành sự hộ trì ý căn".

Này Bà-la-môn, sau khi Tỷ-kheo hộ trì các căn rồi, Như Lai mới huấn luyện vị ấy thêm như sau:

first disciplines him thus: 'Come, bhikkhu, be virtuous, restrained with the restraint of the Pātimokkha, be perfect in conduct and resort, and seeing fear in the slightest fault, train by undertaking the training precepts.'

4. "When, brahmin, the bhikkhu is virtuous... and seeing fear in the slightest fault, trains by undertaking the training precepts, then the Tathāgata disciplines him further:

'Come, bhikkhu, guard the doors of your sense faculties. On seeing a form with the eye, do not grasp at its signs and features.

Since, if you were to leave the eye faculty unguarded, evil unwholesome states of covetousness and grief might invade you, practise the way of its restraint, guard the eye faculty, undertake the restraint of the eye faculty.

On hearing a sound with the ear... On smelling an odour with the nose... On tasting a flavour with the tongue... On touching a tangible with the body...

On cognizing a mind-object with the mind, do not grasp at its signs and features.

Since, if you were to leave the mind faculty unguarded, evil unwholesome states might invade you, practise the way of its restraint, guard the mind faculty, undertake the restraint of the mind faculty.'

5. "When, brahmin, the bhikkhu guards the doors of his sense faculties, then the Tathāgata disciplines him further:

"Hãy đến Tỷ-kheo, hãy tiết độ trong ăn uống, chơn chánh giác sát thọ dụng món ăn, không phải để vui đùa, không phải để đắm mê, không phải để trang sức, không phải để tự làm đẹp mình, chỉ để thân này được duy trì, được bảo dưỡng, khỏi bị gia hại, để chấp trì Phạm hạnh, nghĩ rằng:

"Như vậy ta diệt trừ các cảm thọ cũ và không cho khởi lên các cảm thọ mới; và ta sẽ không phạm lỗi lầm, sống được an ổn".

Này Bà-la-môn, sau khi Tỷ-kheo tiết độ trong ăn uống rồi, Như Lai mới huấn luyện vị ấy thêm như sau:

"Hãy đến Tỷ-kheo, hãy chú tâm cảnh giác! Ban ngày trong khi đi kinh hành và trong khi đang ngồi, gột sạch tâm trí khỏi các chướng ngại pháp; ban đêm trong canh đầu, trong khi đi kinh hành và trong khi đang ngồi, gột sạch tâm trí khỏi các chướng ngại pháp;

ban đêm trong canh giữa, hãy nằm xuống phía hông bên phải, như dáng nằm con sư tử, chân gác trên chân với nhau, chánh niệm tỉnh giác, hướng niệm đến lúc ngồi dậy lại.

Ban đêm trong canh cuối, khi đã thức dậy, trong khi đi kinh hành và trong khi đang ngồi, gột sạch tâm trí khỏi các chướng ngại pháp".

Này, Bà-la-môn, sau khi vị Tỷ-kheo chú tâm tỉnh giác, Như Lai mới huấn luyện vị ấy thêm nữa như sau:

'Come, bhikkhu, be moderate in eating. Reflecting wisely, you should take food neither for amusement nor for intoxication nor for the sake of physical beauty and attractiveness, but only for the endurance and continuance of this body, for ending discomfort, and for assisting the holy life, considering:

"Thus I shall terminate old feelings without arousing new feelings and I shall be healthy and blameless and shall live in comfort."

6. "When, [3] brahmin, the bhikkhu is moderate in eating, then the Tathāgata disciplines him further:

'Come, bhikkhu, be devoted to wakefulness. During the day, while walking back and forth and sitting, purify your mind of obstructive states.

In the first watch of the night, while walking back and forth and sitting, purify your mind of obstructive states. In the middle watch of the night you should lie down on the right side in the lion's pose with one foot overlapping the other, mindful and fully aware, after noting in your mind the time for rising.

After rising, in the third watch of the night, while walking back and forth and sitting, purify your mind of obstructive states.'

7. "When, brahmin, the bhikkhu is devoted to wakefulness, then the Tathāgata disciplines him further:

"Hãy đến Tỷ-kheo, hãy thành tựu chánh niệm tỉnh giác, khi đi tới khi đi lui đều tỉnh giác; khi nhìn thẳng, khi nhìn quanh đều tỉnh giác; khi co tay, khi duỗi tay đều tỉnh giác; khi mang y kép, bình bát, thượng y đều tỉnh giác; khi ăn, uống, nhai, nuốt, đều tỉnh giác; khi đi đại tiện, tiểu tiện đều tỉnh giác; khi đi, đứng, ngồi, nằm, thức, nói, yên lặng đều tỉnh giác".

Này Bà-la-môn, sau khi chánh niệm tỉnh giác rồi, Như Lai mới huấn luyện vị ấy thêm như sau:

"Hãy đến Tỷ-kheo, hãy lựa một chỗ thanh vắng, tịch mịch như rừng, gốc cây, khe núi, hang đá, bãi tha ma, lùm cây, ngoài trời, đồng rơm".

Vị ấy lựa một chỗ thanh vắng, tịch mịch, như rừng, gốc cây, khe núi, hang đá, bãi tha ma, lùm cây, ngoài trời, đồng rơm.

Sau khi đi khát thực về và ăn xong, vị ấy ngồi kiết-già, lưng thẳng tại chỗ nói trên và an trú chánh niệm trước mặt.

Vị ấy từ bỏ tham ái ở đời, sống với tâm thoát ly tham ái, gột rửa tâm hết tham ái.

Từ bỏ sân hận, vị ấy sống với tâm không sân hận, lòng

‘Come, bhikkhu, be possessed of mindfulness and full awareness.

Act in full awareness when going forward and returning; act in full awareness when looking ahead and looking away; act in full awareness when flexing and extending your limbs; act in full awareness when wearing your robes and carrying your outer robe and bowl;

act in full awareness when eating, drinking, consuming food, and tasting; act in full awareness when defecating and urinating; act in full awareness when walking, standing, sitting, falling asleep, waking up, talking, and keeping silent.’

8. “When, brahmin, the bhikkhu possesses mindfulness and full awareness, then the Tathāgata disciplines him further:

‘Come, bhikkhu, resort to a secluded resting place: the forest, the root of a tree, a mountain, a ravine, a hillside cave, a charnel ground, a jungle thicket, an open space, a heap of straw.’

9. “He resorts to a secluded resting place: the forest... a heap of straw.

On returning from his almsround, after his meal he sits down, folding his legs crosswise, setting his body erect, and establishing mindfulness before him.

Abandoning covetousness for the world, he abides with a mind free from covetousness; he purifies his mind from covetousness.

Abandoning ill will and hatred, he abides with a mind free

từ mẫn thương xót tất cả chúng hữu tình, gột rửa tâm hết sân hận.

Từ bỏ hôn trầm thụy miên, vị ấy sống thoát ly hôn trầm thụy miên, với tâm tưởng hướng về ánh sáng, chánh niệm tỉnh giác, gột rửa tâm hết hôn trầm thụy miên;

từ bỏ trạo cử hối tiếc, vị ấy sống không trạo cử, nội tâm trầm lặng, gột rửa tâm hết trạo cử hối tiếc;

từ bỏ nghi ngờ, vị ấy sống thoát khỏi nghi ngờ, không phân vân lưỡng lự, gột rửa tâm hết nghi ngờ đối với các thiện pháp.

Khi đoạn trừ năm triền cái ấy, những pháp làm ô nhiễm tâm, làm trí tuệ yếu ớt, vị ấy ly dục, ly bất thiện pháp chứng và trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, với tầm với tứ.

Vị ấy diệt tầm và tứ, chứng và trú Thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm không tứ, nội tĩnh nhất tâm.

Vị ấy ly hỷ trú xả, chánh niệm tỉnh giác, thân cảm sự lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là xả niệm lạc trú, chứng và trú Thiền thứ ba.

from ill will, compassionate for the welfare of all living beings; he purifies his mind from ill will and hatred.

Abandoning sloth and torpor, he abides free from sloth and torpor, percipient of light, mindful and fully aware; he purifies his mind from sloth and torpor.

Abandoning restlessness and remorse, he abides unagitated with a mind inwardly peaceful; he purifies his mind from restlessness and remorse.

Abandoning doubt, he abides having gone beyond doubt, unperplexed about wholesome states; he purifies his mind from doubt. [4]

10. "Having thus abandoned these five hindrances, imperfections of the mind that weaken wisdom, quite secluded from sensual pleasures, secluded from unwholesome states, he enters upon and abides in the first jhāna, which is accompanied by applied and sustained thought, with rapture and pleasure born of seclusion.

With the stilling of applied and sustained thought, he enters upon and abides in the second jhāna, which has self-confidence and singleness of mind without applied and sustained thought, with rapture and pleasure born of concentration.

With the fading away as well of rapture, he abides in equanimity, and mindful and fully aware, still feeling pleasure with the body, he enters upon and abides in the third jhāna, on account of which noble ones announce: 'He has a pleasant abiding who has equanimity and is mindful.'

Xả lạc, xả khổ, diệt hỷ ưu đã cảm thọ trước, chứng và trú Thiền thứ tư, không khổ, không lạc, xả niệm thanh tịnh.

Này Bà-la-môn, đối với những Tỷ-kheo nào là bậc hữu học, tâm chưa thành tựu, đang sống cần cầu sự vô thượng an tịnh các triền ách, đó là sự giảng dạy của Ta như vậy đối với những vị ấy.

Còn đối với những vị Tỷ-kheo là bậc A-la-hán, các lậu đã tận, tu hành thành mãn, các việc nên làm đã làm, đã đặt gánh nặng xuống, đã thành đạt lý tưởng, đã tận trừ hữu kiết sử, chánh trí giải thoát, những pháp ấy đưa đến sự hiện tại lạc trú và chánh niệm tỉnh giác.

Khi được nói vậy, Bà-la-môn Ganaka Moggallāna bạch Thế Tôn:

-- Các đệ tử của Sa-môn Gotama, khi được Sa-môn Gotama khuyến giáo như vậy, giảng dạy như vậy, có phải tất cả đều chứng được cứu cánh đích Niết-bàn hay chỉ có một số chứng được?

-- Này Bà-la-môn, một số đệ tử của Ta, khi được khuyến giáo như vậy, giảng dạy như vậy, chứng được cứu cánh đích Niết-bàn, một số không chứng được.

-- Thưa Tôn giả Gotama, do nhân gì, do duyên gì trong khi có mặt Niết-bàn, trong khi có mặt con đường đưa đến

With the abandoning of pleasure and pain, and with the previous disappearance of joy and grief, he enters upon and abides in the fourth jhāna, which has neither-pain-nor-pleasure and purity of mindfulness due to equanimity.

11. “This is my instruction, brahmin, to those bhikkhus who are in the higher training, whose minds have not yet attained the goal, who abide aspiring to the supreme security from bondage.

But these things conduce both to a pleasant abiding here and now and to mindfulness and full awareness for those bhikkhus who are arahants with taints destroyed, who have lived the holy life, done what had to be done, laid down the burden, reached their own goal, destroyed the fetters of being, and are completely liberated through final knowledge.”¹⁰²⁷

12. When this was said, the brahmin Gaṇaka Moggallāna asked the Blessed One:

“When Master Gotama’s disciples are thus advised and instructed by him, do they all attain Nibbāna, the ultimate goal, or do some not attain it?”

“When, brahmin, they are thus advised and instructed by me, some of my disciples attain Nibbāna, the ultimate goal, and some do not attain it.”

13. “Master Gotama, since Nibbāna exists and the path leading to Nibbāna exists and Master Gotama is present as

Niết-bàn, trong khi có mặt Tôn giả Gotama là bậc chỉ đường,

tuy vậy các đệ tử Tôn giả Gotama, được Tôn giả Gotama khuyến giáo như vậy, giảng dạy như vậy, một số chứng được cứu cánh đích Niết-bàn, một số không chứng được?

-- Này Bà-la-môn, ở đây Ta sẽ hỏi Ông. Nếu Ông kham nhẫn, hãy trả lời cho Ta. Này Bà-la-môn, Ông nghĩ thế nào? Ông có giỏi về con đường đi đến Rājagaha (Vương Xá)?

-- Thưa Tôn giả, con có giỏi về con đường đi đến Rājagaha.

-- Này Bà-la-môn, Ông nghĩ thế nào? Ở đây, có một người, muốn đi đến Rājagaha, người này đến Ông và nói như sau:

"Thưa Tôn giả, tôi muốn đi đến Rājagaha. Hãy chỉ cho tôi con đường đi đến Rājagaha". Ông nói với người ấy như sau: "Được, này Bạn, đây là con đường đưa đến Rājagaha.

Hãy đi theo con đường ấy trong một thời gian. Sau khi đi trong một thời gian, Bạn sẽ thấy một làng tên như thế này. Hãy đi theo trong một thời gian. Sau khi đi trong một thời gian, Bạn sẽ thấy một thị trấn tên như thế này. Hãy đi theo trong một thời gian. Sau khi đi trong một thời gian, Bạn sẽ thấy Rājagaha với những khu vườn mỹ diệu, với những khu rừng mỹ diệu, với những vùng đất mỹ diệu, với những hồ ao mỹ diệu".

Dẫu cho người ấy được khuyến giáo như vậy, được giảng dạy như vậy, nhưng lại lấy con đường sai lạc, đi về hướng Tây.

Rồi một người thứ hai đến, muốn đi đến Rājagaha.

the guide, what is the cause and reason why, when Master Gotama's disciples are thus advised and instructed by him, some of them attain Nibbāna, the ultimate goal, and some do not attain it?"

14. "As to that, brahmin, I will ask you a question in return. Answer it as you choose. [5] What do you think, brahmin? Are you familiar with the road leading to Rājagaha?"

"Yes, Master Gotama, I am familiar with the road leading to Rājagaha."

"What do you think, brahmin? Suppose a man came who wanted to go to Rājagaha, and he approached you and said:

'Venerable sir, I want to go to Rājagaha. Show me the road to Rājagaha.' Then you told him: 'Now, good man, this road goes to Rājagaha.

Follow it for a while and you will see a certain village, go a little further and you will see a certain town, go a little further and you will see Rājagaha with its lovely parks, groves, meadows, and ponds.'

Then, having been thus advised and instructed by you, he would take a wrong road and would go to the west.

Then a second man came who wanted to go to Rājagaha, and he approached you and said:

Người này đến Ông và hỏi như sau:

"Thưa Tôn giả, tôi muốn đi đến Rājagaha, mong Tôn giả chỉ con đường ấy cho tôi". Rồi Ông nói với người ấy như sau: "Được, này Bạn, đây là đường đi đến Rājagaha.

Hãy đi theo con đường ấy trong một thời gian. Sau khi đi một thời gian, Bạn sẽ thấy một làng có tên như thế này. Hãy đi theo con đường ấy trong một thời gian. Sau khi đi một thời gian, Bạn sẽ thấy một thị trấn có tên như thế này. Hãy đi theo con đường ấy trong một thời gian. Sau khi đi theo con đường ấy trong một thời gian, Bạn sẽ thấy Rājagaha với những khu vườn mỹ diệu, với những khu rừng mỹ diệu, với những vùng đất mỹ diệu, với những ao hồ mỹ diệu".

Người ấy được Ông khuyến giáo như vậy, giảng như vậy, đi đến Rājagaha một cách an toàn.

Này Bà-la-môn, do nhân gì, do duyên gì, trong khi có mặt Rājagaha, trong khi có mặt con đường đưa đến Rājagaha, trong khi có mặt Ông là người chỉ đường, dầu cho Ông có khuyến giáo như vậy, giảng dạy như vậy, một người lấy con đường sai lạc, đi về hướng Tây, còn một người có thể đi đến Rājagaha một cách an toàn?

-- Thưa Tôn giả Gotama, ở đây, con làm gì được? Con chỉ là người chỉ đường, thưa Tôn giả Gotama.

-- Cũng vậy, này Bà-la-môn, trong khi có mặt Niết-bàn, trong khi có mặt con đường đi đến Niết-bàn, và trong khi có mặt Ta là bậc chỉ đường.

Nhưng các đệ tử của Ta, được Ta khuyến giáo như vậy, giảng dạy như vậy, một số chứng được cứu cánh đích Niết-bàn, một số không chứng được. Ở đây, này Bà-la-môn, Ta

'Venerable sir, I want to go to Rājagaha. Show me the road to Rājagaha.' Then you told him: 'Now, good man, this road goes to Rājagaha.

Follow it for a while... and you will see Rājagaha with its lovely parks, groves, meadows, and ponds.'

Then, having been thus advised and instructed by you, he would arrive safely in Rājagaha.

Now, brahmin, since Rājagaha exists and the path leading to Rājagaha exists and you are present as the guide, what is the cause and reason why, when those men have been thus advised and instructed by you, one man takes a wrong road and goes to the west and one arrives safely in Rājagaha?" [6]

"What can I do about that, Master Gotama? I am one who shows the way."

"So too, brahmin, Nibbāna exists and the path leading to Nibbāna exists and I am present as the guide.

Yet when my disciples have been thus advised and instructed by me, some of them attain Nibbāna, the ultimate goal, and some do not attain it. What can I do about that, brahmin? The Tathāgata is one who shows the way."¹⁰²⁸

làm gì được? Như Lai chỉ là người chỉ đường.

Khi nghe nói vậy, Bà-la-môn Ganaka Moggallāna bạch Thế Tôn:

-- Thừa Tôn giả Gotama, đối với những người không phải vì lòng tin, chỉ vì sinh kế, xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình,

những người xảo trá, lường gạt, hư ngụy, mất thẳng bằng, cao mạn, dao động, nói phô tạp nhạp, không hộ trì các căn, ăn uống không tiết độ, không chú tâm cảnh giác,

thờ ơ với Sa-môn hạnh, không tôn kính học tập, sống quá đầy đủ, uể oải, đi đầu trong thói thất, từ bỏ gánh nặng viễn ly, biếng nhác, tinh cần thấp kém, thất niệm, không tỉnh giác, không định tâm, tâm tán loạn, liệt tuệ, tâm ngọng;

Tôn giả Gotama không thể sống với những người như vậy.

Còn những Thiện gia nam tử vì lòng tin xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, không xảo trá, không lường gạt, không hư ngụy, không mất thẳng bằng, không cao mạn, không dao động, không nói phô tạp nhạp, hộ trì các căn, ăn uống có tiết độ, chú tâm tỉnh giác,

không thờ ơ với Sa-môn hạnh, tôn kính học tập, sống không quá đầy đủ, không uể oải, từ bỏ thói thất, đi đầu trong viễn ly, tinh cần, tinh tấn, chánh niệm, an trú, tỉnh giác, định tĩnh, nhứt tâm, có trí tuệ, không tâm ngọng;

Tôn giả Gotama sống hòa hợp với những vị ấy.

15. When this was said, the brahmin Gaṇaka Moggallāna said to the Blessed One:¹⁰²⁹

“There are persons who are faithless and have gone forth from the home life into homelessness not out of faith but seeking a livelihood,

who are fraudulent, deceitful, treacherous, haughty, hollow, personally vain, rough-tongued, loose-spoken, unguarded in their sense faculties, immoderate in eating, undevoted to wakefulness,

unconcerned with recluseship, not greatly respectful of training, luxurious, careless, leaders in backsliding, neglectful of seclusion, lazy, wanting in energy, unmindful, not fully aware, unconcentrated, with straying minds, devoid of wisdom, drivellers.

Master Gotama does not dwell together with these.

“But there are clansmen who have gone forth out of faith from the home life into homelessness, who are not fraudulent, deceitful, treacherous, haughty, hollow, personally vain, rough-tongued, and loose-spoken; who are guarded in their sense faculties, moderate in eating, devoted to wakefulness,

concerned with recluseship, greatly respectful of training, not luxurious or careless, who are keen to avoid backsliding, leaders in seclusion, energetic, resolute, established in mindfulness, fully aware, concentrated, with unified minds, possessing wisdom, not drivellers.

Master Gotama dwells together with these.

Ví như Tôn giả Gotama, trong các loại căn hương, hắc chiên đàn hương được gọi là tối thượng; trong các loại lõi cây hương, xích chiên đàn hương được gọi là tối thượng; trong các loại hoa hương, vũ quý hương (jasmine) được gọi là tối thượng.

Cũng vậy là lời khuyên giáo của Tôn giả Gotama được xem là cao nhất trong những lời khuyên giáo hiện nay.

Thật vi diệu thay, thưa Tôn giả Gotama! Thật vi diệu thay, thưa Tôn giả Gotama!

Như người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống, phơi bày những gì bị che kín, chỉ đường cho những người bị lạc hướng, đem đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc;

cũng vậy, Chánh pháp đã được Tôn giả Gotama dùng nhiều phương tiện trình bày giải thích.

Con xin quy y Tôn giả Gotama, quy y Pháp và chúng Tỷ-kheo Tăng.

Mong Tôn giả Gotama nhận con làm đệ tử, từ nay cho đến mạng chung, con trọn đời quy ngưỡng.

16 “Just as black orris root is reckoned as the best of root perfumes and red sandalwood is reckoned as the best of wood perfumes and jasmine is reckoned as the best of flower perfumes, [7]

so too, Master Gotama’s advice is supreme among the teachings of today.¹⁰³⁰

17. “Magnificent, Master Gotama! Magnificent, Master Gotama!

Master Gotama has made the Dhamma clear in many ways, as though he were turning upright what had been overturned, revealing what was hidden, showing the way to one who was lost, or holding up a lamp in the dark for those with eyesight to see forms.

I go to Master Gotama for refuge and to the Dhamma and to the Sangha of bhikkhus.

Let Master Gotama remember me as a lay follower who has gone to him for refuge for life.”

Notes

The bracketed numbers [] embedded in the text refer to the page number of the Pali Text Society’s edition of the *Majjhima Nikāya* (except for MN 92 and MN 98, wherein the numbers refer to the PTS edition of the *Sutta Nipāta*).

1024. MA: It is not possible to construct a seven-storied mansion in a single day. Once the site is cleared, from the time the foundation is laid until the paint job is finished there

is gradual progress.

1025. *Gaṇaka*. His name means “Moggallāna the Accountant.”

1026. See MN 65.33.

1027. While the preceding steps of practice are necessary measures for bhikkhus in training to attain arahantship, they are also beneficial to arahants in that they conduce to “a pleasant abiding here and now.” MA identifies this “abiding” with the attainment of the fruit of arahantship, and explains that some arahants can enter fruition easily at any time while others must apply themselves diligently to the steps of practice to enter fruition.

1028. *Maggakkhāyī Tathāgato*. Compare Dh 276: “You yourselves must strive; the Tathāgatas only point the way.”

1029. The following as at MN 5.32.

1030. *Paramajjadhamesu*. MA: The doctrine of Gotama is supreme, the highest, among contemporary teachings—the teachings of the six outside teachers.